



Nhà ngôn ngữ học - người chiến sĩ

■ GS.TS.NGND ĐINH VĂN ĐỨC

Ngành Ngôn ngữ học ở Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội vinh dự có 5 cựu chiến binh của cuộc kháng chiến lần thứ nhất, tình cờ các thầy lại có mặt trên chiến trường cả nước: PGS. Phan Ngọc và GS. Nguyễn Cao Đàm ở Việt Bắc, PGS. Cao Xuân Hạo ở Bình Trị Thiên, GS. Nguyễn Lai ở Liên khu V và GS. Nguyễn Hàm Dương ở vùng biển Nam bộ. GS. Nguyễn Hàm Dương đã đi xa gần 10 năm. Hình ảnh của thầy là hình ảnh của một chiến sĩ cầm súng trở thành trí thức, nhà khoa học.

Gần 40 năm trước, cuối thu năm 1963. Hồi đó khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội tọa lạc ở gần chùa Láng (nay là vị trí của hai trường Đại học Ngoại thương và Ngoại giao). Một chiều chúng tôi thấy các thầy trong bộ môn Ngôn ngữ học vừa tan cuộc họp bước ra, trong số đó có một người lạ trông rất “ấn tượng”, to cao dáng rất Tây, ăn vận sang trọng, tay dắt một chiếc xe máy Jawa màu đỏ mà thuở đó rất hiếm hoi. Thầy Nguyễn Cao Đàm nói với sinh viên năm thứ ba chúng tôi đó là thầy Nguyễn Hàm Dương, vừa đỗ Phó Tiến sĩ Ngôn ngữ học ở Đại học

Lomonosov về.

Một năm sau, chúng tôi được học với thầy. Thầy Nguyễn Hàm Dương nói: Trước đây tôi là bộ đội, cầm súng đánh Pháp, được đi học, nay về dạy đại học, mong nhận được sự cảm thông và hợp tác của các bạn. Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên vì tác phong giản dị và gần gũi của thầy. Mỗi giờ giải lao thầy chia sẻ với chúng tôi chén nước chè, miếng thuốc, cái kẹo vừng. Tác phong của người lính vẫn được thầy gìn giữ trong giờ giảng: nói rất đơn giản, đi ngay vào vấn đề, biểu thị chính kiến, phê bình sinh viên thẳng thắn và chân thành, xong việc là cho qua.

Thầy trao cho chúng tôi những kiến thức ngôn ngữ học đại cương và ứng dụng đầy đời mà đến nay, mấy chục năm sau, tôi vẫn tiếp tục. Qua thầy, chúng tôi học được Ngôn ngữ học cấu trúc lúc thịnh thời với các tên tuổi từ Bloomfield đến Harris, từ Hjelmslev đến Jakobson. Lần đầu tiên tôi nghe đến tên của N.Chomsky từ bài giảng của thầy khi đó Chomsky mới xuất hiện trước đó 7 năm (1957) với “Các cấu trúc cú pháp”. Thầy Hàm Dương cũng là người



đầu tiên cung cấp cho chúng tôi những hiểu biết về Ngôn ngữ học và thông tin qua công trình của Malmberg, Ngôn ngữ học và điều khiển học với các sách của Wiener, Shannon, Esbi,... đây xa lạ. Ngày nay, khi lên lớp cho sinh viên học phần “Ngôn ngữ - truyền thông - tiếp thị” tôi không khỏi bồi hồi nhớ lại câu chuyện thuở ấy.

Năm 1965, chúng tôi ra trường giữa lúc chiến tranh ác liệt. Ở rừng núi huyện Đại từ, Thái nguyên, tôi, thầy Hàm Dương và thầy Đoàn Thiện Thuật được xếp ở chung với nhau. Chúng tôi được một bác chủ nhà tốt bụng dành cho hai gian nhà tre, bốn bệ trống trải, không có tường vách. Tôi ái ngại. Chưa kịp bản khoán thì tối hôm đó thầy Dương họp ba anh em và nói: Ta bắt đầu cuộc sống mới, có lẽ lâu dài nên không được tạm bợ, phải tổ chức như quân sự để họp với thời chiến và phải nhanh chóng để làm việc. Thầy Thuật và tôi đề nghị lập tổ ba người lấy một tên chung là Dương Đức Thuật.

Trong một tháng liền, thầy chỉ huy chúng tôi làm nhà, trát vách, đóng giường, bàn ghế, đi củi để nấu ăn.

Rồi đến tăng gia. Thầy mượn đất của dân, tổ chức cuộc

đất, trồng rau. Khó nhất là phân bón. Thấy tôi lại bản khoán, thầy bảo: ở đây trẻ chăn trâu bò ở ven núi khá nhiều, đó là nguồn phân cho ta. Nói rồi thầy làm ba bộ quang gánh và giao hẹn, mỗi người phải nhật được năm gánh phân. Thấy làm trước. Chiều chiều ven núi tôi quấy quang gánh theo thầy dọc triển núi, để nhật phân bò, thầy trò mỗi người một gánh. Thấy tôi có vẻ ngưng, thầy hiểu và bảo: Cậu đừng ngại, không phải vì đi nhật phân bò mà sau này không lấy được vợ đâu!

Gần thầy, “thong dong mới kể sự ngày hàn vi”, tôi mới được biết cuộc đời chiến sĩ của thầy qua từng đoạn thầy kể trong ba năm được sống cùng thầy.

Quê ở ngoại thành Nam định trong một gia đình nghèo, đang học năm cuối Thành chung thì Cách mạng tháng Tám thành công. Hai tháng sau, mới 16 tuổi thầy bỏ học xung phong vào đoàn quân Nam tiến của tỉnh để vào Nam đánh giặc. Đại đội của thầy tham chiến ở Nam trung bộ. Khi mặt trận bị vỡ, tiểu đội thầy dạt sang Lào chiến đấu cùng bộ đội Lào. Tháng 3 năm 1946, mặt trận Lào lại vỡ, trong vòng vây thầy cùng các chiến sĩ Lào bơi qua sông



Công lao khoa học của thầy là mang đến cho ngôn ngữ học nước nhà những thông tin mới nhất về khoa học ngôn ngữ thời ta chưa mở cửa. Thầy đã đi tiên phong trong việc tiếp cận những vấn đề mới và truyền cho học trò: Ngôn ngữ và thông tin, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học của N.Chomsky và đặc biệt là ngôn ngữ bệnh học, ngôn ngữ học thần kinh,...

Cửu Long theo đoàn quân của Xuphanuvong. Đói rét trên đất Thái Lan, thầy bắt liên lạc được với bộ phận Hải ngoại của Đảng do nhà cách mạng Nguyễn Đức Quý phụ trách. Thầy được giao đóng vai thương nhân để tìm mua vũ khí cho cách mạng. Thầy kể : Minh biết ăn vận đúng mốt là nhờ công việc này ở Bangkok. Năm 1947, phái hữu Thái lên cầm quyền, đàn áp cách mạng. Thầy bị bắt và tù đày. Bốn tháng sau, Đảng cứu thoát và đưa nhóm vào hoạt động bí mật. Thầy rời khỏi Thái Lan bắt đầu cuộc hành trình nguy hiểm mới: tham gia vận chuyển trên biển các vũ khí mua được ở Thái Lan về rừng U minh ở Cà mau. Có thể nói thầy thuộc thế hệ chiến sỹ đầu tiên của tuyến đường mòn trên biển. Hai năm liền đi biển trên những chiếc thuyền không số, lúc giả đánh cá, lúc giả đi buôn để vận chuyển súng đạn. Thầy bao lần đối mặt với gian nguy trên biển, với giặc, nhiều lúc tưởng khó thoát hiểm. Thầy đã là một trong những chiến sỹ kỳ cựu của đường giây chuyển vũ khí biển Tây. Năm 1949 thầy được kết nạp vào Đảng và điều về khu Chín chiến đấu trong đoàn quân của ông Phan Trọng Tuệ. Lặn lội ngoài mặt trận và bung biển suốt ba năm, đến năm 1952 thầy được điều động lên miền Đông Nam bộ. Khác với bung biển, rừng miền Đông thiếu gạo, thiếu thuốc, bệnh sốt rét liên miên, đói khát, ăn củ

rừng ngày tháng. Thầy Hàm Dương rất thích bài hát Nam bộ kháng chiến và bài Nhạc rừng, theo thầy đúng là “Miền đông gian lao và anh dũng”. Ở miền Đông, thầy có một tình bạn rất thân thiết với hai người bạn là nhà viết kịch, đạo diễn Ngô Y Linh và nhà thơ Xuân Miến.

Ký hiệp định Genève. Thầy rời rừng miền Đông về Ban Liên hiệp đình chiến ở Phụng hiệp và Sa đéc, có tiếng Pháp, thầy đi tham gia đấu tranh thi hành hiệp định với Tây trong hàm đại đội trưởng. Thầy xin ở lại miền Nam chiến đấu, nhưng trên quyết định thầy phải đi tập kết vì đã bị lộ.

Từ chiến trường ra Bắc, thầy được cử đi học ở Liên xô. Sang nước bạn, vì chưa tốt nghiệp phổ thông, thầy phải học tiếp chương trình bổ túc cấp ba của Nga, rồi mới được vào đại học.

Từ một người lính, thầy Hàm Dương đã trở thành một cử nhân Ngôn ngữ học rồi PTS Ngữ âm học thực nghiệm đầu tiên của nước ta dưới sự hướng dẫn của GS Reformatski nổi tiếng tại phòng thí nghiệm của GS Artjumov (trường MGU). Là người mạnh dạn tìm tòi cái mới, thầy là người đã sớm đi vào ngôn ngữ học ứng dụng với chuyên đề về bệnh ngữ thất ngôn (Aphasia), phát triển chuyên môn Ngôn ngữ học thần kinh (Neurolinguistics) và đã bảo vệ thành công luận án Tiến Sỹ KH (1984) tại phòng thí nghiệm của GS nổi tiếng V.Ivanov (MGU). Thầy làm giám đốc đầu tiên của Trung tâm nghiên cứu Châu Á và Thái Bình dương của trường rời trở lại miền Nam với lòng yêu mến Nam bộ và người lính với tấm huy hiệu “Thành đồng Tổ quốc” trong tư cách giáo sư của Trường Đại học Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.

Công lao khoa học của thầy là mang đến cho ngôn ngữ học nước nhà những thông tin mới nhất về khoa học ngôn ngữ thời ta chưa mở cửa. Thầy đã đi tiên phong trong việc tiếp cận những vấn đề mới và truyền cho học trò: Ngôn ngữ và thông tin, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học của N.Chomsky và đặc biệt là ngôn ngữ bệnh học, ngôn ngữ học thần kinh,...

Nét nổi bật của thầy là tính thẳng thắn và quyết tâm cao trong mọi việc, từ nhỏ đến lớn. Việc gì đã quyết là làm cho kỳ xong. Thầy đã để lại nhiều thế hệ học trò với niềm kính trọng sâu sắc.

Với tôi hình ảnh thầy luôn luôn đọng lại là một trí thức hào hoa phong cách rất hiện đại và một người lính phong trần “đầu súng trăng treo”.

Tôi nhớ nhất lời thầy: “Tôi là người lính trở thành trí thức, còn các cậu là trí thức thì phải trở thành người lính” (1965).